

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày: 24-05-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Th phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Bùi Đăng Lý

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tạ Thị Thịnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thạch Thất.

- **Đại diện VKSND huyện Thạch Thất tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST-DS ngày 25-04-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Kỹ Thương); Địa chỉ: Số 06 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Th phố Hà Nội. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Kỹ Thương. **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà **Phạm Thị Nh** - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27-9-2017). **Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng:** Bà Vương Ng Nh, ông Đỗ Ng Đ - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng Kỹ Thương (Giấy ủy quyền số 479-03/2022/UQ-TCB ngày 11-7-2022) - Có mặt bà Nhâm.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Chu Đức Ng**, sinh năm 1986, *vắng mặt*.

2.2. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1986 (*vợ anh Ng*). *vắng mặt*.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Vĩnh L 3 (thôn 6 cũ), xã Phùng X, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Chu Văn L**, sinh năm 1961 (*bố đẻ anh Ng*) *vắng mặt*.

- 3.2. Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1963 (*mẹ đẻ anh Ng*) *vắng mặt*.
3.3. Anh **Chu Đức Th**, sinh năm 1998 (*con ông L, bà H*), *vắng mặt*.
3.4. Chị **Chu Thị Huyền Tr**, sinh năm 1999 (*con ông L, bà H*), *vắng mặt*).

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Vĩnh L 3 (thôn 6 cũ), xã Phùng X, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai của Nguyên đơn là Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam – Do người đại diện theo ủy quyền là bà Vương Ng Nhân trình bày:

1.1. Thỏa thuận tín dụng: Ngân hàng Kỹ Thương và anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S cùng ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010, nội dung thỏa thuận tín dụng cụ thể như sau:

- Số tiền anh Ng, chị S vay của Ngân hàng là: **1.500.000.000 đồng**.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 72 tháng. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 20-12-2016.
- Lãi suất: Lãi suất vay linh hoạt, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31-3-2011 là 19%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc theo 72 kỳ (01 tháng/kỳ). Trả gốc, lãi vào ngày 20 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là anh Ng, chị S đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: **566.353.102 đồng**. Trong đó trả nợ gốc là **249.996.000 đồng**, trả nợ lãi là **316.357.102 đồng**.

Do anh Ng, chị S vi phạm thỏa thuận tín dụng, không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo cam kết nên Ngân hàng Kỹ Thương khởi kiện yêu cầu anh Ng, chị S phải thực hiện nghĩa vụ tín dụng trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày **23-5-2023** với tổng số tiền: **4.650.569.091 đồng**; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000 đồng**, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457 đồng**, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634 đồng**. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện Ngân hàng còn yêu cầu anh Ng, chị S trả tiền lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng (tỷ lệ 1% giá trị hợp đồng) số tiền là **15.000.000 đồng**.

1.2. Về thỏa thuận đảm bảo tín dụng: Thỏa thuận bảo đảm tín dụng được quy định tại hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Kỹ Thương với bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H (Dương Thị H), tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản

đồ số 04, diện tích 345m², địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 409834 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 04/7/2002 cho hộ ông Chu Văn L. Đính chính sang tên ông Chu Văn L ngày 17-12-2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp trên là nghĩa vụ trả nợ số tiền **1.500.000.000** đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc **1.500.000.000** đồng.

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Kỹ Thương trong trường hợp anh Ng, chị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký kết.

2. Bị đơn là anh Chu Đức Ng và chị Nguyễn Thị S trình bày: Anh Ng, chị S xác nhận cùng ký kết các thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng Kỹ Thương gồm: Hợp đồng tín dụng: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010. Toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng như đại diện của Ngân hàng Kỹ Thương trình bày là đúng, mục đích vay của vợ chồng anh là vay tiêu dùng nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng đúng theo cam kết. Anh Ng, chị S xác nhận về số tiền đã thanh toán trả Ngân hàng và số tiền nợ gốc, nợ lãi như đại diện Ngân hàng yêu cầu. Đồng thời anh Ng xác nhận việc ký kết thỏa thuận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17-12-2010 như đại diện Ngân hàng Kỹ Thương trình bày là đúng. Anh Ng, chị S xác định hiện tại gia đình khó khăn trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nên đề nghị được trả số tiền gốc và 150 triệu đồng tiền lãi để tắt toán khoản vay.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn L, bà Dương Thị H trình bày: Ông L, bà H xác nhận ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, mục đích đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của anh Ng, chị S tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Ông L, bà H đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm tiền lãi, tạo điều kiện cho anh Ng, chị S trả nợ để giải chấp tài sản cho ông L, bà H.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chu Đức Th, chị Chu Thị Huyền Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến.

3. Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:

3.1. Đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng Kỹ Thương trình bày: Ngân hàng Kỹ Thương yêu cầu anh Ng, chị S thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày **23-5-2023** với tổng số tiền: **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng.

Trường hợp anh Ng, chị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Kỹ Thương có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3.2. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

4. Đại diện Viện kiểm sát huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

4.1. Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Kỹ Thương, đề nghị buộc anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày **23-5-2023** với tổng số tiền: **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng. Kể từ ngày 24-5-2023 anh Ng và chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Trường hợp anh Ng, chị S không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, mục đích đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 409834 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 04/7/2002 cho hộ ông Chu Văn L. Đính chính sang tên ông Chu Văn L ngày 17-12-2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội.

- Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng Kỹ Thương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về tố tụng.

[1.1] Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay để tiêu dùng nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn L, bà Dương Thị H, anh Chu Đức Th, chị Chu Thị Huyền Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Nhận định về nội dung vụ án.

[2.1] Về *quan hệ tín dụng*: Người đại diện của Ngân hàng Kỹ Thương và bên vay là anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S thống nhất xác nhận toàn bộ thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L lịch trả nợ ngày 20-12-2010.

Thực hiện thỏa thuận tín dụng, bên vay là anh Ng, chị S đã được Ngân hàng giải ngân cho vay tổng số tiền 1.500.000.000 đồng; anh Ng, chị S đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: **566.353.102** đồng. Trong đó trả nợ gốc là **249.996.000** đồng, trả nợ lãi là **316.357.102** đồng; Anh Ng, chị S còn nợ tổng số tiền đến ngày **23-5-2023** là **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng.

Xét tính pháp lý của các thỏa thuận tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật thi hành, các bên tham gia giao kết phải tuân thủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận đã ký kết.

Theo đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, buộc vợ chồng anh Ng, chị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày **23-5-2023** là **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng (*Tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Kỹ Thương*). Kể từ ngày 24-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Ng, chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng.

[2.2] *Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm tín dụng:*

[2.2.1] Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định trong Hợp đồng tín dụng nêu trên; nội dung chi tiết được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Kỹ Thương và bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H (Dương Thị H). Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m², mục đích đất ở, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 04-7-2002; Đính chính tên chủ sử dụng ngày 17-12-2010 sang tên ông Chu Văn L. Hợp đồng thế chấp số công chứng 8599 quyền 05.2010 ngày 17-12-2010, thực hiện công chứng tại trụ sở Văn phòng công chứng số 7, Th phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 20-12-2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

[2.2.2] Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật để thi hành; Yêu cầu của nguyên đơn được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay là anh Ng, chị S không thực hiện được nghĩa vụ tín dụng là có căn cứ, được chấp nhận. Trường hợp anh Ng, chị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Kỹ Thương có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17-12-2010 là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, mục đích đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội.

[2.2.3] Phạm vi bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 xác định phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng một tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Kỹ Thương cho đến khi trả xong nợ.

[2.3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút phần khởi kiện về lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

không có yêu cầu giải quyết về nội dung này nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Ng, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 112.650.000 đồng. Hoàn trả Ngân hàng Kỹ Thương số tiền 56.842.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 342, 343, 355, 357, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 113, 130 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam: Buộc anh Chu Đức Ng và chị Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 23-5-2023 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 2375/HĐTD/TH-TN/TCB HTY ngày 17-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2375 ngày 20-12-2010, Phụ L Lịch trả nợ ngày 20-12-2010 với tổng số tiền là: **4.650.569.091** đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc **1.250.004.000** đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: **540.181.457** đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: **2.860.383.634** đồng.

2. Kể từ ngày 24-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Chu Đức Ng và chị Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng do đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam đã rút tại phiên tòa.

4. Trường hợp anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 17-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và bên thế chấp là ông Chu Văn L, bà Dương Lệ H (Dương Thị H). Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 17-12-2010 do Công chứng viên thực hiện tại trụ sở Văn phòng công chứng số 7, Th phố Hà Nội; Đăng ký thế chấp ngày 20-12-2010 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, diện tích 345m² mục đích đất ở, địa chỉ tại cụm 6, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Th phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409834 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 04-7-2002 cho hộ ông Chu Văn L; Đính chính tên chủ sử dụng từ hộ ông Chu Văn L sang ông Chu Văn L tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất ngày 17-12-2010.

5. Khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì những người đang chiếm giữ, sử dụng tài sản thế chấp trên phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

6. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 17-12-2010 là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

7. Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi trả xong nợ.

8. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chu Đức Ng, chị Nguyễn Thị S phải nộp 112.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.842.000 đồng (*Theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0025612 ngày 28-10-2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thất*).

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Trường